

Thứ năm, ngày 8 tháng 4 năm 2021

Vietnam Daily Review

Phiên điều chỉnh

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 9/4/2021		•	
Tuần 5/4-9/4/2021			•
Tháng 3/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Sau tám phiên tăng điểm liên tục, VN-Index đã có sự điều chỉnh. Dòng tiền đầu tư thoát khỏi thị trường khi chỉ có 8/19 ngành tăng điểm. Thanh khoản giảm nhẹ cùng với độ rộng thị trường tiêu cực phản ánh áp lực chốt lãi ngắn hạn trên thị trường. Khối ngoại bán ròng trên sàn HSX trong khi mua ròng tại sàn HNX. Mặc dù VN-Index điều chỉnh nhẹ nhưng thị trường có thể sẽ nhanh chóng tăng điểm trở lại khi dòng tiền khối nội chưa suy yếu và giá trị bán ròng của khối ngoại vẫn ở mức thấp. BSC khuyến nghị các nhà đầu có thể mở vị thế hoặc gia tăng tỷ trọng tại một số mã cổ phiếu cơ bản tốt trong nhịp điều chỉnh ngắn hạn này.

Hợp đồng tương lai: Tất cả các HĐTL đều ở trong trạng thái giảm đồng thuận với xu hướng của chỉ số VN30. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 1240 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 8/4/2021, chứng quyền và chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về trạng thái. Giá trị giao dịch giảm mạnh so với phiên hôm trước.

Phân tích kỹ thuật: TNG_Tín hiệu tích cực (Trang 3)

Cập nhật Ngành Dệt may (Trang 6)

Cập nhật Ngành Thép (Trang 7-8)

Cập nhật HPG (Trang 9-10)

Điểm nhấn

- VN-Index **-7.49** điểm, đóng cửa **1,234.89** điểm. HNX-Index **+0.91** điểm, đóng cửa **293.75** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **GVR (+0.32)**, **GEX(+0.16)**, **DIG(+0.13)**, **NVL(+0.13)**, **DXG (+0.12)**
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-2.43)**, **VCB(-1.88)**, **BID(-0.80)**, **VIB(-0.62)**, **SAB(-0.46)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **13,202** tỷ đồng, **-4.6%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 14,520 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 14.14 điểm. Thị trường có **167** mã tăng, 74 mã tham chiếu và **233** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-12.85** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **BID (-37.7 tỷ)**, **VNM (-30.2 tỷ)** và **KDH (-30.2 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **28.16** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trường phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức
ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng
tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh
khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX **1234.89**
Giá trị: 13202.98 tỷ **-7.49 (-0.6%)**
Khối ngoại (ròng): -12.85 tỷ

HNX-INDEX **293.75**
Giá trị: 2711.28 tỷ **0.91 (0.31%)**
Khối ngoại (ròng): 28.16 tỷ

UPCOM-INDEX **83.07**
Giá trị: 1520.8 tỷ **0.51 (0.62%)**
Khối ngoại(ròng): 4.72 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	59.4	-0.69%
Giá vàng	1,743	0.31%
Tỷ giá USD/VND	23,088	0.03%
Tỷ giá EUR/VND	27,438	0.59%
Tỷ giá JPY/VND	21,086	0.34%
LS liên NH 1 tháng	0.6%	25.70%
LS TPCP 5 năm	1.2%	0.00%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VRE	71.9	BID	-37.7
NVL	35.3	VNM	-30.2
HPG	26.5	KDH	-30.2
STB	19.1	VCB	-27.3
VJC	15.6	CTG	-26.8
Nguồn: BSC Research			

Mục lục	
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cập nhật Ngành Dệt may	Trang 6
Cập nhật Ngành Thép	Trang 7-8
Cập nhật HPG	Trang 9-10
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 11
Thống kê thị trường	Trang 12
Khuyến nghị dài hạn	Trang 13
Báo cáo mới nhất	Trang 14
iBroker	Trang 15
Khuyến cáo sử dụng	Trang 16

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 8/4

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	59.25	-0.13%	0.20%	-8.70%	64.49%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	62.67	-0.11%	-2.30%	-8.80%	59.38%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	196.26	-0.19%	0.10%	-4.10%	89.57%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1737.16	-0.35%	1.70%	3.20%	3.23%		PNJ
Bạc	USD/ounce	25.05	-0.43%	2.60%	-0.30%	65.06%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1423.25	0.32%	-0.90%	-0.70%	66.66%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	615.50	0.00%	-0.40%	-4.80%	9.23%		AFX
Sữa	USD /cwt	18.68	0.27%	2.50%	2.20%	18.15%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	226.07	0.32%	3.50%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	15.16	2.16%	1.60%	-6.80%	37.82%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	126.85	3.89%	-0.20%	-4.00%	5.14%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	9047.00	2.92%	0.90%	-0.60%	86.94%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	780.81	-0.64%	4.60%	8.10%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC	USD/ton	851.74	0.18%	4.50%	13.30%			
Nhôm	USD/ton	2268.00	1.91%	-1.30%	3.10%	53.09%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	151.18	1.19%	3.50%	-3.10%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	90.10	-1.96%	2.00%	10.40%	39.69%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent tăng 59 US cent tương đương 1% lên 62.74 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI tăng 68 US cent tương đương 1.2% lên 59.33 USD/thùng.
- Giá dầu tăng được hỗ trợ bởi số liệu cho thấy hoạt động dịch vụ của Mỹ trong tháng 3/2021 đạt mức cao kỷ lục. Lĩnh vực dịch vụ của Trung Quốc cũng tăng mạnh nhất trong 3 tháng.
- Ngoài ra, giá dầu còn được hỗ trợ khi Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ (EIA) dự kiến sản lượng dầu của Mỹ trong năm 2021 sẽ giảm 270,000 thùng/ngày (bpd) xuống 11.04 triệu bpd, giảm mạnh hơn so với dự báo tháng trước giảm 160,000 bpd. Đồng thời, tồn trữ dầu thô của Mỹ trong tuần kết thúc ngày 2/4/2021 giảm 2.6 triệu thùng, cao hơn dự báo của các nhà phân tích chỉ giảm 1.4 triệu thùng.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA tăng 0.8% lên 1,743.04 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 6/2021 trên sàn New York tăng lên 1,743 USD/ounce.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 9/2021 trên sàn Đại Liên giảm 0.6% xuống 971 CNY/tấn.
- Doanh số bán máy xúc của Trung Quốc trong 2 tháng đầu năm 2021 tăng vọt 149% so với cùng kỳ năm trước, cho thấy lĩnh vực cơ sở hạ tầng đang phát triển. Trong khi đó, Bộ Công nghiệp và các ban ngành đã cùng ban hành một số thông báo khuyến khích bán xe năng lượng mới tại các thành phố nhỏ và khu vực nông thôn.
- Thép thanh kỳ hạn tháng 5/2021 trên sàn Thượng Hải tăng 2.1% lên 5,180 CNY (791 USD)/tấn. Thép cuộn cán nóng tăng 0.9% lên 5,566 CNY/tấn, trước đó đạt 5,589 CNY/tấn.
- Giá thép tại Trung Quốc tăng lên mức cao kỷ lục, được thúc đẩy bởi nhu cầu nội địa tăng mạnh và mối lo ngại về các hạn chế nguồn cung tại nước sản xuất và xuất khẩu vật liệu xây dựng và sản xuất lớn nhất thế giới.

Giá cao su

- Giá cao su kỳ hạn tháng 9/2021 trên sàn Osaka giảm 3.1 JPY xuống 247.6 JPY (2.2 USD)/kg. Giá cao su kỳ hạn tháng 9/2021 trên sàn Thượng Hải tăng 75 CNY lên 14,315 CNY (2,186 USD)/tấn. Sự gia tăng về mối lo ngại thiếu hụt chất bán dẫn trên toàn cầu có thể khiến sản lượng ô tô và nhu cầu lốp xe giảm gây áp lực thị trường
- _*Giá nông sản*_
- Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 5/2021 tăng 4.75 US cent tương đương 3.9% lên 1.2685 USD/lb. Giá cà phê robusta kỳ hạn tháng 5/2021 trên sàn London tăng 9 USD tương đương 0.7% lên 1,334 USD/tấn.
- Giá đường thô kỳ hạn tháng 5/2021 trên sàn ICE tăng 0.32 US cent tương đương 2.2% lên 15.16 US cent/lb. Giá đường trắng kỳ hạn tháng 5/2021 trên sàn London tăng 4.3 USD tương đương 1% lên 427.7 USD/tấn

	8/4	% 8/4	7/4	% 7/4	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1234.89	-0.60%	1242.38	0.20%	1.55%	6.28%
S&P 500			4079.95	0.15%	3.07%	6.20%
HĐTL S&P500	4084.25	0.35%	4069.90	0.15%	1.85%	5.72%
Shang- hai	3482.56	0.08%	3479.63	-0.10%	1.18%	1.79%
Euro Stoxx	3969.41	0.32%	3956.77	-0.34%	1.10%	8.17%

Phân tích kỹ thuật

TNG_Tin hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích lũy.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Xuất hiện Golden Cross.
- Chỉ báo RSI: RSI ở trên giá trị 50 nhưng chưa đi vào vùng quá mua
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: TNG đang ở trong trạng thái tích lũy trong khu vực 22-26 trong hơn 1 tháng nay. Thanh khoản cổ phiếu những phiên gần đây vẫn đang giữ giá trị ổn định. Các chỉ báo xu hướng hiện đang ở trong trạng thái khả quan. Đường MACD vừa cắt lên trên đường tín hiệu đồng thời chỉ báo động lượng RSI vẫn chưa đi vào vùng quá mua nên cổ phiếu có tiềm năng duy trì đà tăng trong ngắn hạn. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của TNG nằm tại khu vực xung quanh 23. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại mức 27.8, cắt lỗ nếu ngưỡng 21.3 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

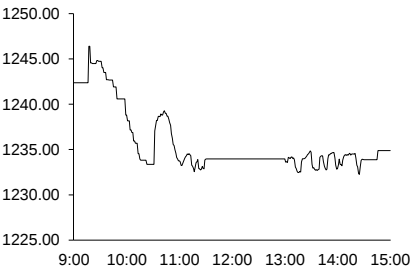
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Truyền thông	-1.45%
Bảo hiểm	-1.10%
Ngân hàng	-1.06%
Ô tô và phụ tùng	-0.80%
Bất động sản	-0.63%
Thực phẩm và đồ uống	-0.53%
Y tế	-0.49%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.41%
Bán lẻ	-0.31%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.02%
Viễn thông	0.00%
Dầu khí	0.07%
Tài nguyên Cơ bản	0.10%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.11%
Dịch vụ tài chính	0.14%
Công nghệ Thông tin	0.20%
Xây dựng và Vật liệu	0.27%
Du lịch và Giải trí	0.29%
Hóa chất	0.82%

Hình 1

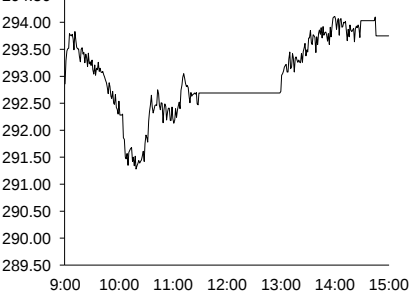
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

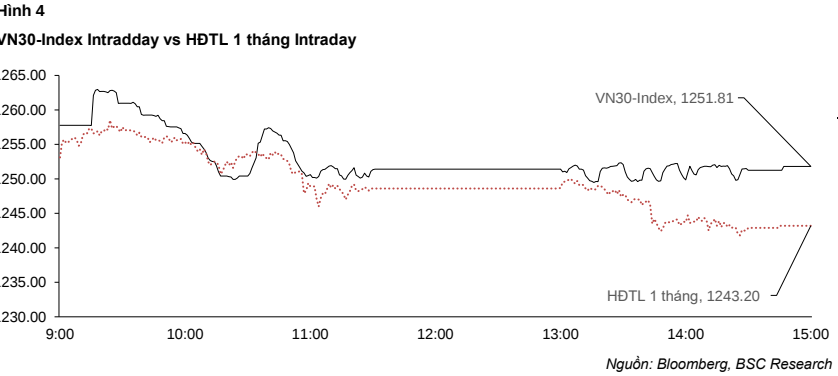
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
4/7/2021	VRE	35.4	39	33.5	35.3	1	-0.28%	Có thể tiếp tục mua
4/6/2021	ANV	23.8	26.5	21.7	23.55	2	-1.05%	Có thể tiếp tục mua
4/5/2021	VCB	102	112.5	97	100	3	-1.96%	Có thể tiếp tục mua
4/2/2021	CTS	17.3	19	15	17.2	6	-0.58%	Có thể tiếp tục mua
4/1/2021	VNM	101	110	98	99.9	7	-1.09%	Có thể giữ nguyên vị thế
3/31/2021	SAB	180	200	173	174	8	-3.33%	Có thể giữ nguyên vị thế
3/30/2021	GMD	33.85	37.3	31.6	35.3	9	4.28%	Có thể tiếp tục mua
3/29/2021	CII	25.55	28.5	22.5	24.9	10	-2.54%	Có thể giữ nguyên vị thế
3/26/2021	EVG	11.2	16	9.5	14.5	13	29.46%	Có thể tiếp tục mua
3/25/2021	VPH	5.88	6.8	5.3	6.36	14	8.16%	Có thể tiếp tục mua
3/24/2021	SSN	7.4	10	6	9.5	15	28.38%	Cần nhắc không mua thêm (**)
3/23/2021	PWA	14.4	15.8	12.8	14.2	16	-1.39%	Có thể giữ nguyên vị thế
3/19/2021	BVH	61	67.1	55.8	62.4	20	2.30%	Có thể tiếp tục mua
3/18/2021	DRC	28.55	32	27	29.15	21	2.10%	Có thể giữ nguyên vị thế
3/17/2021	FRT	30.25	36	28	32.5	22	7.44%	Có thể tiếp tục mua
2/22/2021	BCG	14.2	19.5	11.8	14.75	45	3.87%	Có thể giữ nguyên vị thế
2/9/2021	KBC	38.6	46	35	38.45	58	-0.39%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
2/3/2021	NVL	83	97	73.9	88.8	64	6.99%	Có thể tiếp tục mua
2/1/2021	DDG	31	34	29.4	32.5	66	4.84%	Có thể giữ nguyên vị thế
1/27/2021	VNP	9.6	11.3	8.1	10.3	71	7.29%	Có thể tiếp tục mua
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
3/22/2021	AMV	13.4	14.8	12	SL	4	-10.45%
3/16/2021	FIR	26.7	29.4	25.5	SL	9	-4.49%
3/15/2021	ITA	7.17	8.75	6.7	SL	11	-6.56%
3/12/2021	SHB	17.7	19.8	16.3	TP	6	11.86%
3/11/2021	STB	19.3	21.7	18	TP	20	12.44%
3/10/2021	VCI	57.4	65.3	52.7	TP	9	13.76%
3/9/2021	LDG	7.72	8.5	7.26	TP	23	10.10%
3/8/2021	CMX	16.95	18.65	15.85	SL	15	-6.49%
3/5/2021	POW	13.45	16	12.5	SL	21	-7.06%
3/4/2021	GEX	22.95	25	21	TP	33	8.93%
3/3/2021	LAS	9.9	12	8.5	FS	14	13.13%
3/2/2021	LHG	35.6	40	33.8	SL	20	-5.06%
3/1/2021	FCN	12.9	16	12	FS	14	14.34%
2/26/2021	VCS	86.2	95	79.8	TP	28	10.21%
2/25/2021	HVN	29	32	27	TP	5	10.34%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	11	9	9.56%	-1.40%	4.63%	24
Cổ phiếu đã chốt	125	64	13.16%	-8.04%	5.98%	28

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2104	1243.20	-0.70%	-8.61	23.1%	125,107	4/15/2021	7
VN30F2105	1241.60	-0.06%	-10.21	53.1%	300	5/20/2021	42
VN30F2106	1240.80	-0.58%	-11.01	148.4%	77	6/17/2021	70
VN30F2109	1238.50	-0.89%	-13.31	79.1%	77	9/16/2021	161

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm 5.96 điểm xuống mức 1251.81 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VIC, MBB, VCB, TCB và HPG tác động mạnh đến vận động giảm của VN30. VN30 giảm dần trong phiên sáng và duy trì sắc đỏ cho đến khi kết thúc ngày giao dịch. VN30 có thể sẽ điều chỉnh tiếp về quanh ngưỡng 1240 trong những phiên tiếp theo.
- Tất cả các HĐTL đều ở trong trạng thái giảm đồng thuận với xu hướng của chỉ số VN30. Tất cả các hợp đồng đều tăng về khối lượng giao dịch. Chỉ có VN30F2109 giảm về vị thế mở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 1240 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CHDB2007	4/27/2021	19	5:1	657,000	33.52%	1,300	3,680	2.79%	207	17.78	20,771	16,831	28,050
CSTB2014	6/14/2021	67	1:1	383,100	40.89%	3,800	10,570	2.32%	10,304	1.03	15,800	12,000	22,200
CSTB2103	8/9/2021	123	2:1	478,400	40.89%	1,400	3,280	1.55%	2,457	1.33	20,800	18,000	22,200
CVRE2014	5/4/2021	26	1:1	346,800	33.60%	4,600	8,100	1.50%	7,895	1.03	32,100	27,500	35,300
CVPB2016	5/4/2021	26	1:1	80,900	38.52%	4,800	19,980	1.16%	19,791	1.01	31,800	27,000	46,700
CNVL2003	6/11/2021	64	10:1	1,151,000	24.04%	1,000	2,730	1.11%	2,535	1.08	73,979	63,979	88,800
CFPT2016	6/22/2021	75	5:1	196,500	29.45%	2,580	6,350	0.95%	6,017	1.06	62,900	50,000	79,600
CTCB2102	7/6/2021	89	2:1	241,200	35.09%	2,300	5,000	0.20%	3,488	1.43	57,200	48,000	41,950
CHPG2103	7/6/2021	89	2:1	98,600	32.85%	3,900	5,000	0.00%	4,186	1.19	49,800	42,000	49,350
CSTB2016	5/4/2021	26	2:1	317,600	40.89%	1,200	4,070	0.00%	4,053	1.00	16,541	14,141	22,200
CVRE2013	7/30/2021	113	1:1	373,500	33.60%	5,000	8,940	-0.11%	8,406	1.06	32,500	27,500	35,300
CSTB2010	6/11/2021	64	2:1	253,600	40.89%	1,100	5,190	-0.19%	5,150	1.01	14,199	11,999	22,200
CSTB2007	4/27/2021	19	2:1	535,500	40.89%	1,500	5,630	-0.53%	5,635	1.00	13,999	10,999	22,200
CHPG2018	5/14/2021	36	4:1	990,300	32.85%	1,200	4,860	-0.82%	4,873	1.00	34,799	29,999	49,350
CHPG2014	4/19/2021	11	1:1	100,500	32.85%	7,200	33,630	-1.67%	22,888	1.47	27,570	21,680	49,350
CTCB2012	7/30/2021	113	1:1	65,200	35.09%	5,400	20,600	-1.76%	20,272	1.02	27,400	22,000	41,950
CMBB2101	7/6/2021	89	2:1	398,700	34.16%	1,600	4,100	-2.15%	2,898	1.41	29,200	26,000	31,200
CMBB2010	6/14/2021	67	1:1	293,500	34.16%	4,600	15,630	-2.80%	15,339	1.02	20,600	16,000	31,200
CVIC2005	6/11/2021	64	10:1	637,000	30.44%	1,500	2,570	-4.81%	2,006	1.28	121,868	106,868	125,400
Tổng				7,598,900	34.98%**								
Chú thích:			Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
			Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
			**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 8/4/2021, chứng quyền và chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về trạng thái. Giá trị giao dịch giảm mạnh so với phiên hôm trước.
- Về giá, CKDH2001 và CKDH2002 tăng mạnh nhất lần lượt là 9.1% và 6.4%, ở chiều hướng ngược lại, CVIC2004 và CVHM2010 giảm mạnh nhất lần lượt là 8.7% và 8.1%. Thanh khoản thị trường giảm 27.46%. CHPG2018 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 7.07% thị trường.
- Có 10/89 chứng quyền có giá thị trường thấp hơn giá lý thuyết. CHPG2020 và CHPG2014 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CHPG2101 và CVPB2011 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

CẬP NHẬT TRIỂN VỌNG NGÀNH DỆT MAY 2021

[Link](#)

Trong năm 2020, do ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid – 19, ngành Dệt may Việt Nam gặp nhiều nhiều khó khăn và thách thức: (i) Đứt gãy chuỗi cung ứng nguyên vật liệu (ii) Đơn hàng sụt giảm nghiêm trọng khi lệch giãn cách xã hội và thói quen tiêu dùng thay đổi. Kết thúc năm 2020, toàn ngành Dệt may Việt Nam đạt kim ngạch xuất khẩu là 35 tỷ USD, giảm 10% so với năm 2019. Trong môi trường kinh doanh đầy khó khăn, các doanh nghiệp Dệt may niêm yết cũng ghi nhận kết quả kinh doanh sụt giảm: 12 doanh nghiệp ghi nhận tổng doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt là 45,998 tỷ (-17% YoY) và 2,316 tỷ (-17% YoY).

Sang năm 2021, với một mức nền thấp của năm 2020, BSC kỳ vọng ngành Dệt may phục hồi nhờ (i) Chuỗi sản xuất phục hồi với đơn hàng truyền thống tăng trở lại (ii) Một số sự kiện kỳ vọng thúc đẩy việc dịch chuyển đơn hàng Dệt may sang Việt Nam (iii) Một số doanh nghiệp Dệt may triển khai Bất động sản dựa trên lợi thế quỹ đất hiện hữu.

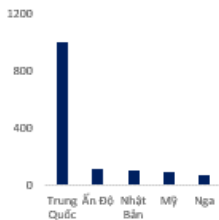
Tính đến hiện tại, một số doanh nghiệp Dệt may cho biết các nhà máy dệt may đã kín đơn hàng đến tháng 8 năm 2021. Tình hình này cải thiện rõ rệt so với cùng thời điểm năm ngoái khi khách hàng ngưng đặt đơn hàng mới và đơn hàng cũ bị hủy/trì hoãn giao. Trong năm 2021, với kỳ vọng cuộc sống trở lại bình thường (do các quốc gia đã có kinh nghiệm đối phó với dịch bệnh và việc tiêm vắc – xin đang được triển khai nhanh chóng), nhu cầu mua sắm của người dân sau một năm bị kìm nén sẽ tăng trưởng trở lại.

Một số doanh nghiệp Dệt may triển khai Bất động sản dựa trên lợi thế quỹ đất hiện hữu: TNG, TCM, GIL. Trong đó, TNG, TCM đều có định hướng di dời nhà máy tại vùng trung tâm và chuyển đổi sang bất động sản chung cư, thương mại dịch vụ.

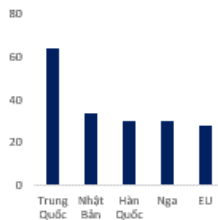
NGÀNH THÉP – KHẢ QUAN – CHU KỲ TĂNG GIÁ TIẾP DIỄN

- Chu kỳ tăng giá thép sẽ còn tiếp diễn đến nửa cuối năm 2021 nhờ vào những gì diễn ra tại các thị trường lớn như Trung Quốc, Ấn Độ, Mỹ và EU.
- BSC cho rằng điều này sẽ có ảnh hưởng tích cực đến triển vọng ngành thép toàn cầu nhờ giá bán tăng cao sẽ cải thiện lợi nhuận của các doanh nghiệp.
- Ngành thép Việt Nam hưởng lợi kép từ (1) giá bán tăng, đặc biệt là HRC và (2) nhu cầu từ thị trường xuất khẩu lớn khi Trung Quốc cắt giảm sản lượng.

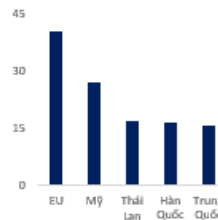
TOP sản xuất thép thô 2019



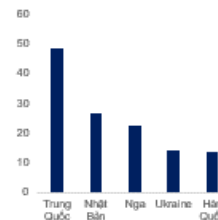
TOP xuất khẩu thép 2019



TOP nhập khẩu thép 2019



TOP xuất khẩu thép ròng 2019



Nguồn: World Steel Association (WSA)

TRUNG QUỐC – Nhu cầu tăng trong khi sản xuất bị cắt giảm, xuất khẩu không được khuyến khích

Các yếu tố chính đang chi phối thị trường và ảnh hưởng tới giá thép tại Trung Quốc

Thứ nhất, nhu cầu thép của Trung Quốc dự báo tăng 2.2% trong năm 2021 (theo DBS) nhờ động lực đến từ đầu tư hạ tầng và sản xuất ô tô. Lĩnh vực chế biến chế tạo dự báo sẽ chỉ tăng trưởng nhẹ so với 2020 trong khi việc thắt chặt tín dụng đối với lĩnh vực bất động sản có thể là yếu tố rủi ro với phía cầu. Tháng 4 hàng năm là mùa cao điểm truyền thống của tiêu thụ thép ở Trung Quốc, năm nay nhu cầu sẽ được hỗ trợ bởi các dự án đầu tư công của 2020 chuyển tiếp và giải ngân mới trong năm, cùng với hoạt động sản xuất hồi phục dự báo sẽ thúc đẩy tiêu thụ tăng mạnh.

Thứ hai, nguồn cung nội địa giảm theo chính sách chung của chính phủ Trung Quốc kết hợp với chính sách kiểm soát ô nhiễm môi trường

• Giai đoạn 2016-2020, Trung Quốc đã cắt giảm 150 triệu tấn thép sản xuất theo công nghệ lạc hậu (tương đương 11% tổng công suất) trước thời hạn.

• Kể từ đầu năm 2021, Trung Quốc tiếp tục hạn chế sản xuất thép nhằm tập trung cho mục tiêu kiểm soát lượng khí thải carbon (15% đến từ ngành công nghiệp sản xuất thép). Theo đó, thành phố Đường Sơn (Hà Bắc, Trung Quốc) – thủ phủ sản xuất 14% sản lượng thép của Trung Quốc đã yêu cầu các cơ sở sản xuất không đáp ứng được yêu cầu về khí thải phải cắt giảm, thậm chí tạm dừng hoạt động. 07 nhà máy thép vi phạm quy định môi trường sẽ phải cắt giảm 50% sản lượng đến 30/06 và giảm 30% trong nửa cuối năm 2021; ngoài ra 16 cơ sở gia công khác cũng phải cắt giảm sản lượng 30% đến hết năm. Ước tính sản lượng thép sẽ giảm 5,000-12,000 tấn/ngày, tương đương 1-3% sản lượng của Đường Sơn.

• Trung Quốc đẩy nhanh quá trình chuyển đổi sản xuất thép từ lò cao sang lò điện. Kể từ đầu T1/2021, Trung Quốc cho phép hoạt động nhập khẩu thép phế được tái khởi động, nhằm đảm bảo nguyên liệu cho các lò điện (EAF) trong nỗ lực cắt giảm khí thải từ hoạt động sản xuất công nghiệp. Trước đó, Trung Quốc đã cấm nhập khẩu chất thải rắn (bao gồm phế liệu) từ 1/9/2020 tuy nhiên sau đó đã nói lỏng lệnh cấm nhập khẩu với một số phế liệu kim loại như đồng, nhôm, thép... và ban hành các quy chuẩn đối với phế liệu nhập khẩu nhằm tạo điều kiện cho nhập khẩu nguyên liệu được khơi thông. Do đó, tỷ trọng sản lượng thép sản xuất theo công nghệ lò điện (EAF) năm 2021 dự kiến sẽ tăng lên 15.2% so với 14.5% năm 2020. Việc dịch chuyển công suất của Trung Quốc sẽ góp phần gây sức ép giảm giá lên quặng sắt và tăng giá đối với thép phế thế giới. Do đó, chi phí sản xuất của các nhà sản xuất thép lò cao sẽ có xu hướng giảm trong khi sức ép tăng giá thành của các nhà sản xuất lò điện cao hơn.

Thứ ba, Theo SteelOrbis, Trung Quốc dự kiến sẽ giảm mức hoàn thuế xuất khẩu đối với khoảng 60 sản phẩm thép, nhằm giảm sản lượng

• Mức điều chỉnh đối với các sản phẩm thép chính như thép cuộn cán nóng (HRC), thép thanh, hay thép tấm sẽ giảm từ 13% về 0% trong khi mức hoàn thuế cho thép cuộn cán nguội (CRC) và thép mạ kẽm nhúng nóng (HDG) giảm từ 13% về 9%. Nếu việc hoàn thuế này được thông qua cùng với việc cắt giảm sản lượng ở Đường Sơn đã đẩy giá thép của Trung Quốc lên cao, các sản phẩm thép của Trung Quốc gần như không còn lợi thế cạnh tranh ở thị trường xuất khẩu vì sẽ tăng khoảng 80-100 USD/tấn. Các thị trường xuất khẩu thép ở châu Á như Ấn Độ, Việt Nam... sẽ được hưởng lợi.

• Tuy nhiên, chính phủ Trung Quốc dường như đang cân nhắc thêm trước khi ra quyết định bởi thời điểm công bố dự kiến (1/4) đã qua mà không có tuyên bố chính thức nào. Kể từ khi tin tức về việc hoàn thuế được lan truyền, thị trường xuất khẩu (đặc biệt là HRC) của Trung Quốc gần như đóng băng, giá cũng được đẩy lên mức cao. Cùng với việc cắt giảm sản lượng ở Đường Sơn, chính sách mới có thể khiến giá thép Trung Quốc tăng nóng hơn, gây ảnh hưởng đến chi phí đầu tư xây dựng và có thể ảnh hưởng đến nhu cầu tiêu thụ của nước này.

NGÀNH THÉP – KHẢ QUAN – CHU KỲ TĂNG GIÁ TIẾP DIỄN

ẤN ĐỘ - Nhu cầu nội địa hồi phục mạnh, xuất khẩu tăng vọt nhờ sự chùng xuống của Trung Quốc

Là quốc gia sản xuất và xuất khẩu thép ròng lớn thứ hai, Ấn Độ được hưởng lợi ngay lập tức khi hoạt động xuất khẩu của Trung Quốc giảm do nguồn cung nội địa bị siết chặt và giá xuất khẩu trở nên kém cạnh tranh. Tiêu thụ thép của Ấn Độ dự báo sẽ tăng về mức trước đại dịch, tương đương 100 triệu tấn (+23% YoY) nhờ Chính phủ tăng cường đầu tư vào cơ sở hạ tầng và nhu cầu của các ngành sản xuất sử dụng nhiều thép tăng mạnh.

MỸ - Ngành thép nội địa hưởng lợi nhờ kế hoạch phát triển cơ sở hạ tầng trong khi các biện pháp phòng vệ thương mại được duy trì

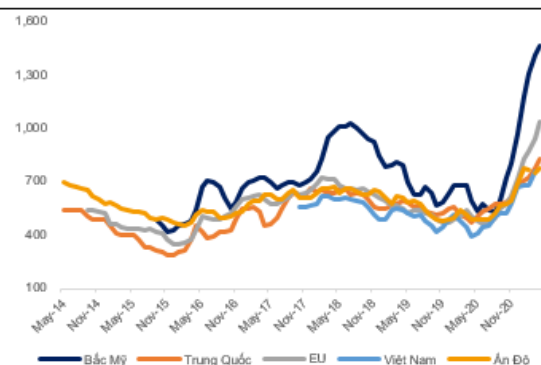
Mỹ công bố kế hoạch phát triển cơ sở hạ tầng lên tới 2,000 tỷ USD trong vòng 8 năm, dự kiến đề trình lưỡng viện vào cuối T5/2021. Mức đầu tư sẽ được phân bổ: khoảng 114 tỷ USD cho hệ thống đường cao tốc, cầu đường bộ, 100 tỷ USD nâng cấp hệ thống trường học, 100 tỷ USD cho hệ thống điện... Kế hoạch này sẽ tạo nhu cầu lớn đối với sắt thép của Mỹ. Trong khi đó, các doanh nghiệp thép của Mỹ muốn duy trì hàng rào thuế quan như hiện tại để bảo vệ nền sản xuất trong nước.

EU – Tình trạng thiếu hụt nguồn cung dự báo sẽ còn tiếp diễn trong thời gian tới khi dịch bệnh diễn biến phức tạp tại các nước EU và khối này không có ý định cắt giảm các biện pháp phòng vệ đối với sản phẩm nhập khẩu.

EUROFER dự báo sản lượng của các ngành sản xuất sử dụng thép tại Châu Âu sẽ hồi phục ở mức +7.4% sau khi giảm 10.4% trong năm 2020, giúp nhu cầu thép của khối +7.5% YoY. Trong khi đó, các nhà sản xuất thép lớn ở châu Âu vẫn muốn duy trì các biện pháp phòng hộ trước sản phẩm nhập khẩu, điều này sẽ khiến cho đà tăng của giá thép, đặc biệt là HRC tại châu Âu sẽ còn tiếp diễn.

Giá thép trong đà tăng mạnh kể từ đầu năm 2021. Trong khi giá thép dài về lại mức đỉnh năm 2018 thì giá thép dẹt, đại diện bởi HRC đã vượt đỉnh 10 năm, đặc biệt là giá tại Mỹ và EU

Giá HRC đồng thuận xu hướng tăng, đặc biệt tại Mỹ và EU



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Giá thép thanh cũng trong đà tăng về đỉnh năm 2018
Thép và phôi dài ở Trung Quốc trở nên đắt hơn



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

CTCP TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT (Khả quan): Kỳ lục sản lượng mới trong tháng 3

Mã cổ phiếu: HPG (HSX), Vốn hóa: VND 163,344 tỷ, Số lượng cổ phiếu lưu hành: 3,313.28 triệu cổ phiếu, Giá thị trường: 49,400 VND, Sở hữu nước ngoài: 30.23%

Chuyên viên phân tích: Nguyễn Thị Kiều Hạnh

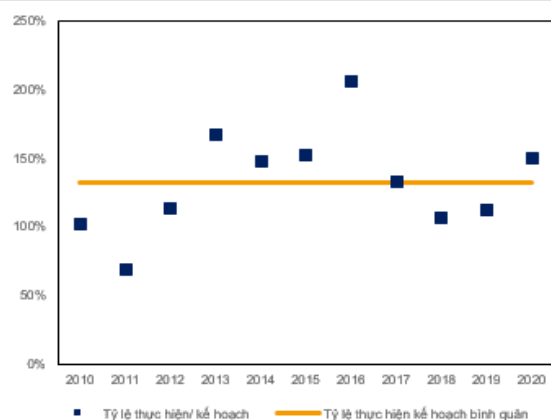
Hòa Phát ghi nhận sản lượng tiêu thụ kỷ lục trong tháng 3/2021 nhờ hoạt động toàn bộ công suất cả 4 lò cao tại KLH Dung Quất (tương đương 8 triệu tấn thép thô/năm) và tiêu thụ tăng mạnh. Các yếu tố hỗ trợ nhu cầu thép trong tháng 3 bao gồm: (1) các công trình xây dựng vào mùa sau tháng nghỉ Tết, (2) các đại lý tăng nhập hàng để đáp ứng nhu cầu trong thời gian tới mà không thể tiếp tục trì hoãn do giá tăng cao và (3) xuất khẩu tăng tốt khi Trung Quốc mạnh tay cắt giảm sản lượng.

Sản phẩm (tấn)	T3/2021	% YoY	Q1/2021	%YoY	% hoàn thành kế hoạch năm
Phôi thép	178,000	-1.1%	392,165	+13.0%	25.0%
Thép xây dựng	480,000	+36.7%	855,928	+16.9%	
Ông thép	90,000	+71.4%	183,219	+26.4%	19.9%
Tôn mạ	31,000	N/A	73,345	N/A	24.3%
HRC	238,000	N/A	665,589	N/A	24.6%

Nguồn: HPG, BSC Research

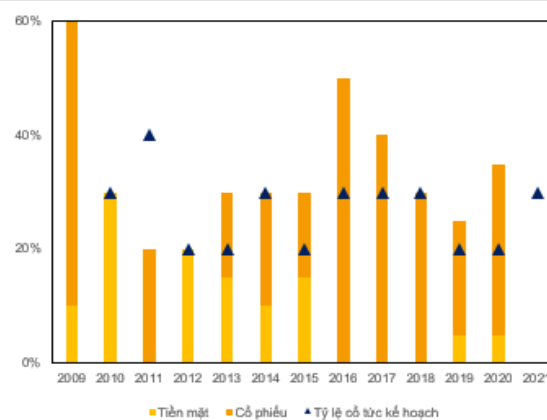
Kế hoạch kinh doanh năm 2021 tăng trưởng mạnh mẽ: Công ty đặt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt là 120,000 tỷ (+31% yoy), LNST 18,000 tỷ (+34% yoy). Động lực tăng trưởng đến từ sản lượng tăng thêm từ lò cao số 4 đi vào vận hành T1/2021 (+20%) và đà tăng của giá thép kể từ 2H2020. HPG có lịch sử là một doanh nghiệp đặt kế hoạch tương đối thận trọng và thường hoàn thành vượt mức kế hoạch đặt ra.

Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch bình quân của HPG là 133%



Nguồn: HPG, BSC Research

HPG duy trì tỷ lệ trả cổ tức tối thiểu 20%



Nguồn: HPG, BSC Research

Chi trả cổ tức dự kiến 35%, trong đó 5% tiền mặt và 30% cổ phiếu. Tỷ lệ chi trả cổ tức của HPG luôn cao hơn mức dự kiến. Ngoại trừ giai đoạn 2016-2018 cần tập trung nguồn lực đầu tư mở rộng lớn tại KLH Dung Quất, HPG luôn phân đầu chi trả một phần cổ tức tiền mặt cho cổ đông. Với kế hoạch đầu tư KLH Hòa Phát Dung Quất GD 2 từ đầu năm 2022, cổ tức tiền của HPG nhiều khả năng sẽ giảm trong một vài năm tới.

CTCP TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT (Khả quan): Kỳ lục sản lượng mới trong tháng 3

Nâng quy mô đầu tư tại dự án KLH Hòa Phát Dung Quất GD2: Theo Tờ trình ĐHCĐ 2021, quy mô dự án được nâng công suất lên 5.6 triệu tấn/năm (+12% công suất so với kế hoạch trước đây), trọng tâm dịch chuyển sang tập trung nhiều hơn vào sản phẩm thép dẹt với công suất HRC là 4.6 triệu tấn/năm (kế hoạch cũ là 3 triệu tấn), thép thanh và thép dây chất lượng cao 1 triệu tấn/năm. Quy mô vốn cho dự án tăng từ 60,000 tỷ lên 85,000 tỷ đồng, trong đó vốn cố định là 70,000 tỷ.

Tham gia sâu rộng hơn vào chuỗi giá trị ngành thép:

- Theo BCTC 2020, HPG đã thành lập mới công ty con là CTCP Khoáng sản Bắc Úc nhằm nghiên cứu đầu tư vào lĩnh vực khai khoáng ở Úc. Úc là quốc gia có nguồn cung than và quặng sắt dồi dào, là đầu vào quan trọng cho sản xuất thép lò cao. Dự kiến năm 2021, HPG sẽ nhập khẩu 4 triệu tấn quặng sắt và 3.5 triệu tấn than các loại từ Úc, tương đương 30-50% nhu cầu nguyên liệu của Tập đoàn.
- Cuối T2/2021, HPG đã mua và hoàn thành tiếp nhận hai tàu hàng rời cỡ lớn với tải trọng 90,000 tấn để chuyên chở nguyên liệu cho Tập đoàn. Việc sở hữu tàu và tham gia vào hoạt động vận tải biển sẽ giúp công ty nâng cao hiệu quả kinh tế, giảm rủi ro cước tàu như trong thời gian qua.

- HPG chuẩn bị đầu tư nhà máy sản xuất vỏ container với công suất 500,000 TEU, dự kiến có thể cung cấp sản phẩm ra thị trường từ đầu Q2/2022. Container là sản phẩm giá trị gia tăng nằm trong hệ sinh thái sản xuất gang thép của Tập đoàn, sử dụng nguyên liệu đầu vào là thép HRC, mác SPA – H đặc chủng. Ước tính nhà máy sẽ có thể tiêu thụ 1 triệu tấn HRC/năm, góp phần đảm bảo đầu ra cho GD 2 của KLH Dung Quất.

□ BSC đánh giá việc tăng quy mô giai đoạn 2 của KLH Dung Quất và các kế hoạch tham gia sâu rộng hơn vào chuỗi giá trị ngành thép thể hiện tham vọng của HPG trong việc chiếm lĩnh thị trường trong nước, giảm sự phụ thuộc vào nhập khẩu của ngành thép Việt Nam và vươn tầm ra khu vực.

Dự báo kết quả kinh doanh: BSC nâng 15% dự báo doanh thu và 30% dự báo về lợi nhuận của HPG so với báo cáo cập nhật gần nhất (Link) do nâng giả định về giá bán các sản phẩm thép thêm 10-15% (giả định giá bán thép xây dựng bình quân 2021 là 13.65 triệu/tấn và HRC là 650 USD/tấn). Dự báo doanh thu 2021 của HPG đạt 133,748 tỷ đồng (+48.4% YoY), LNST 24,857 tỷ đồng (+85% YoY), tương đương EPS = 7,380 đồng/CP (giả định trích quỹ khen thưởng phúc lợi 5%).

Quan điểm đầu tư: BSC tiếp tục duy trì khuyến nghị MUA cho cổ phiếu HPG trong năm 2021. Với vị thế đầu ngành, sở hữu chuỗi sản xuất khép kín và lợi thế về quy mô, HPG sẽ được hưởng lợi trọn vẹn từ xu hướng tăng của giá thép và triển vọng tích cực của ngành thép Việt Nam trong những năm tới. Hiện tại, HPG đang được giao dịch với mức P/E T12M = 12.1x, EV/EBITDA T12M = 7.7x. Dựa trên dự báo của BSC cho năm 2021, giá hiện tại của HPG tương đương với P/E fw = 6.7x và EV/EBITDA = 5x, lần lượt thấp hơn 11% và 15% so với mức P/E và EV/EBITDA bình quân của HPG trong giai đoạn 2010-2020.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	134.0	-0.4%	1.0	2,770	1.8	8,654	15.5	3.9	49.0%	28.4%
PNJ	Bán lẻ	88.5	0.0%	1.0	875	1.5	4,532	19.5	3.8	49.0%	20.9%
BVH	Bảo hiểm	62.4	-1.6%	1.5	2,014	2.0	2,087	29.9	2.3	27.5%	7.9%
PVI	Bảo hiểm	32.9	0.6%	0.5	320	0.1	3,404	9.7	1.1	54.3%	11.1%
VIC	Bất động sản	125.4	-1.8%	0.7	18,442	8.3	1,689	74.2	5.2	14.4%	7.1%
VRE	Bất động sản	35.3	-0.3%	1.1	3,488	9.2	1,048	33.7	2.7	30.4%	8.5%
VHM	Bất động sản	99.7	-0.8%	1.1	14,259	6.9	8,314	12.0	3.8	22.2%	38.6%
DXG	Bất động sản	25.2	4.1%	1.3	568	13.8	(956)		2.1	33.6%	-7.5%
SSI	Chứng khoán	35.2	-0.4%	1.4	988	16.9	2,094	16.8	2.1	41.3%	13.1%
VCI	Chứng khoán	67.5	-1.6%	1.0	486	4.4	4,662	14.5	2.5	25.3%	17.9%
HCM	Chứng khoán	33.1	-0.5%	1.5	438	4.9	1,738	19.0	2.3	46.2%	12.1%
FPT	Công nghệ	79.6	0.0%	0.9	2,713	5.6	4,520	17.6	4.0	49.0%	23.8%
FOX	Công nghệ	76.0	-1.3%	0.4	904	0.2	5,165	14.7	4.4	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	89.0	-0.1%	1.3	7,406	2.7	4,102	21.7	3.5	2.8%	16.2%
PLX	Dầu khí	55.9	0.2%	1.5	3,023	1.8	723	77.3	3.2	16.4%	4.5%
PVS	Dầu khí	24.0	0.0%	1.6	499	12.6	1,306	18.4	0.9	8.8%	5.1%
BSR	Dầu khí	17.8	-1.7%	0.8	2,400	14.2	(909)	N/A	1.8	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	99.1	-0.5%	0.4	563	0.0	5,443	18.2	3.6	54.6%	20.5%
DPM	Hóa chất	20.5	-0.5%	0.7	349	0.9	1,765	11.6	1.0	13.9%	8.6%
DCM	Hóa chất	18.0	-1.1%	0.6	413	1.3	1,017	17.6	1.5	3.4%	8.7%
VCB	Ngân hàng	100.0	-1.9%	1.1	16,126	6.9	4,975	20.1	3.9	23.4%	21.1%
BID	Ngân hàng	44.8	-1.6%	1.3	7,834	8.7	1,740	25.8	2.4	17.0%	9.3%
CTG	Ngân hàng	42.6	-0.9%	1.4	6,896	21.7	3,678	11.6	1.9	26.9%	16.9%
VPB	Ngân hàng	46.7	0.4%	1.2	4,984	8.7	4,271	10.9	2.2	23.4%	21.9%
MBB	Ngân hàng	31.2	-1.9%	1.2	3,797	30.5	2,965	10.5	1.8	23.0%	19.2%
ACB	Ngân hàng	34.4	0.0%	1.0	3,233	7.0	3,557	9.7	2.1	30.0%	24.3%
BMP	Nhựa	61.5	-0.2%	0.7	219	0.2	6,385	9.6	2.0	81.2%	21.2%
NTP	Nhựa	36.2	-0.5%	0.5	185	0.0	3,526	10.3	1.6	18.9%	16.1%
MSR	Tài nguyên	22.0	-0.9%	0.7	1,051	0.6	39	564.1	1.7	10.1%	0.3%
HPG	Thép	49.4	-0.2%	1.1	7,109	25.7	4,060	12.2	2.8	30.3%	25.2%
HSG	Thép	29.6	1.0%	1.4	571	11.0	3,387	8.7	1.9	7.4%	24.3%
VNM	Tiêu dùng	99.9	-0.2%	0.7	9,078	15.6	4,770	20.9	6.7	55.8%	33.9%
SAB	Tiêu dùng	174.0	-1.7%	0.8	4,851	1.1	7,064	24.6	5.6	63.0%	24.4%
MSN	Tiêu dùng	93.0	-0.9%	0.9	4,750	4.9	1,054	88.2	6.9	32.4%	4.2%
SBT	Tiêu dùng	22.7	-0.2%	1.2	608	1.8	946	23.9	1.8	8.1%	7.4%
ACV	Vận tải	73.3	-0.9%	0.8	6,938	0.5	3,450	21.2	4.3	3.4%	22.3%
VJC	Vận tải	133.0	0.0%	1.1	3,029	2.4	132		4.7	19.2%	0.5%
HVN	Vận tải	33.3	0.9%	1.7	2,053	1.2	(7,705)		7.5	9.2%	-89.3%
GMD	Vận tải	35.3	-1.5%	0.9	463	3.2	1,149	30.7	1.8	37.6%	5.8%
PVT	Vận tải	17.7	0.0%	1.3	249	2.0	2,068	8.6	1.2	12.4%	14.4%
VCS	Vật liệu xây dựng	95.8	-0.5%	1.0	666	1.1	8,257	11.6	4.0	3.7%	39.1%
VGC	Vật liệu xây dựng	35.6	-1.1%	0.4	694	0.3	1,340	26.6	2.5	6.5%	9.5%
HT1	Vật liệu xây dựng	18.7	-0.3%	0.9	309	0.7	1,592	11.7	1.3	3.2%	11.3%
CTD	Xây dựng	72.2	-1.1%	1.0	233	1.6	4,158	17.4	0.7	45.2%	3.8%
CII	Xây dựng	24.9	-0.6%	0.5	259	2.2	1,030	24.2	1.2	33.1%	5.1%
REE	Điện	52.8	-0.9%	-1.4	709	0.9	5,250	10.1	1.4	49.0%	14.9%
PC1	Điện	27.6	-0.7%	-0.4	229	0.5	2,438	11.3	1.3	11.8%	13.8%
POW	Điện	13.8	-1.1%	0.6	1,405	8.1	938	14.7	1.1	3.8%	7.9%
NT2	Điện	22.3	-0.7%	0.5	278	0.2	2,095	10.6	1.5	15.5%	14.3%
KBC	Khu công nghiệp	38.5	0.1%	1.1	785	5.7	478	80.5	1.9	21.8%	2.4%
BCM	Khu công nghiệp	57.4	1%	1.0	2,583	0.0			3.8	2.0%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GVR	28.40	1.43	0.43	3.15MLN
NVL	88.80	0.79	0.18	2.63MLN
GEX	28.50	4.59	0.16	10.63MLN
DXG	25.20	4.13	0.14	12.69MLN
DIG	30.90	5.46	0.13	10.48MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VIC	0.00	-2.07	1.51MLN	1.11MLN
VCB	0.00	-1.88	1.58MLN	607060
BID	0.00	-0.80	4.41MLN	373600
VHM	0.00	-0.71	1.58MLN	192700
VIB	0.00	-0.62	1.31MLN	611640

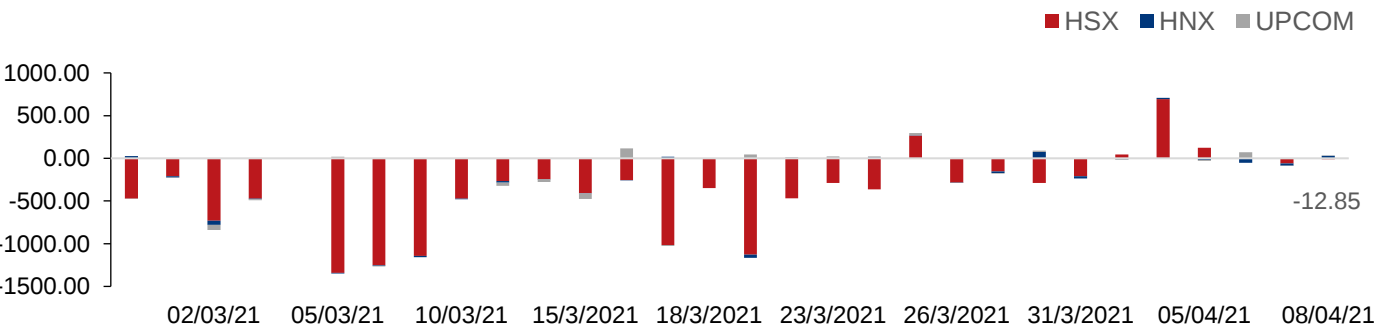
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TDG	4.45	6.97	0.00	3.35MLN
HAS	14.60	6.96	0.00	10000
BTT	49.30	6.94	0.01	100
HVX	4.78	6.94	0.00	62200
DLG	3.24	6.93	0.02	22.23MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DAH	7.44	-7.00	-0.01	1.59MLN
CLW	25.30	-6.99	-0.01	500
RIC	26.65	-6.98	-0.02	304900.00
LGL	7.25	-6.93	-0.01	356800
PMG	38.55	-6.88	-0.04	6600

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	16.8	1,387	12.1	1.0	Click
2	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	34.4	3,557	9.7	2.1	Click
3	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	73.3	3,450	21.2	4.3	Click
4	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	30.2	4,043	7.5	1.4	Click
5	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	42.6	3,678	11.6	1.9	Click
6	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	58.8	13,724	4.3	1.5	Click
7	DGC	Hóa chất	Theo dõi	23/2/21	58.4	72.8	70.3	5,734	12.3	2.7	Click
8	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	121.6	6,245	19.5	4.5	Click
10	DPM	Hóa chất	Mua	11/3/21	19.1	23.0	20.5	1,765	11.6	1.0	Click
11	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	29.2	2,158	13.5	2.1	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	9/3/21	22.5	30.2	25.2	-956		2.1	Click
13	FPT	Viễn thông	Mua	11/3/21	76.7	86.0	79.6	4,520	17.6	4.0	Click
14	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	35.3	1,149	30.7	1.8	Click
15	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	43.5	6,277	6.9	2.1	Click
16	HPG	VLXD	Mua	26/2/21	45.4	55.6	49.4	4,060	12.2	2.8	Click
17	HSG	VLXD	Theo dõi	30/9/20	15.2	15.8	29.6	3,387	8.7	1.9	Click
18	HT1	VLXD	Mua	19/11/20	17.4	19.8	18.7	1,592	11.7	1.3	Click
19	KBC	Bất động sản	Mua	28/8/20	13.5	17.1	38.5	478	80.5	1.9	Click
20	KDH	Bất động sản	Mua	12/8/20	24.2	31.3	31.4	2,044	15.4	2.2	Click
21	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	17.5			1.3	Click
22	MPC	Thủy sản	Theo dõi	15/9/20	29.1	33.5	36.9	3,258	11.3	1.4	Click
23	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	93.0	1,054	88.2	6.9	Click
24	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	117.3	168.8	134.0	8,654	15.5	3.9	Click
25	NLG	Bất động sản	Mua	23/2/21	25.0	34.6	34.8	3,127	11.1	1.6	Click
27	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	59.7	7,985	7.5	2.5	Click
28	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	28.5	1,842	15.5	1.8	Click
29	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/3/21	84.7	100.4	88.5	4,532	19.5	3.8	Click
30	POW	Điện	Mua	16/11/20	10.0	12.0	13.8	938	14.7	1.1	Click
31	PVD	Dầu khí	Mua	5/3/21	25.3	29.6	22.9	0	56.1	0.7	Click
32	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	24.0	1,306	18.4	0.9	Click
35	SAB	Tiêu dùng	Theo dõi	17/9/20	188.2	193.3	174.0	7,064	24.6	5.6	Click
36	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	22.7	946	23.9	1.8	Click
38	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	42.0	3,521	11.9	2.0	Click
39	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	100.0	4,975	20.1	3.9	Click
40	VEA	Vận tải	Theo dõi	18/9/20	44.9	46.6	45.0	4,239	10.6	2.2	Click
41	VGT	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	17.5	563	31.1	1.4	Click
42	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	39.4	3,953	10.0	1.4	Click
43	VNM	Tiêu dùng	Mua	27/8/20	117.1	122.1	99.9	4,770	20.9	6.7	Click
44	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	99.7	8,314	12.0	3.8	Click
45	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	28.4	943	30.1	2.4	Click
46	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	12.1	875	13.8	1.1	Click
47	GE2	Điện	Mua	20/1/20		25.5					Click
48	PRE	Bảo hiểm	Mua	25/12/20	19.9	22.0					Click
48	SCS	Hàng Không	Theo dõi	4/1/20	128.5	140.0	130.9	9,182	14.3	7.0	Click
49	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	46.7	4,271	10.9	2.2	Click
50	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	35.3	1,048	33.7	2.7	Click
51	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	87.3	4,060	21.5	6.0	Click



Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
2	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
3	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
4	Banking Sector Outlook		x	Click
5	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
6	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
7	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
8	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
9	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
10	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
11	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
12	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
13	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
14	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
15	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
16	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
17	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
18	Fishery Outlook 2021		x	Click
19	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
20	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
21	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
22	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
23	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
24	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
25	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
26	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
27	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
28	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
29	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
30	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
31	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
32	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
33	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
34	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
35	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click
36	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
37	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	x		Click
38	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	x		Click
39	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
40	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	x		Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express AGG 2021Q1	1/4/21	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 34380 Kế hoạch 2021: Dự kiến doanh thu chủ yếu đến từ (i) mảng bán căn hộ - tiến hành bàn giao các dự án River Panorama 1 & 2, Sky89, The Sóng và The Standard; (ii) Ngoài ra, dự kiến dự án West gate sẽ hỗ trợ doanh thu mảng tư vấn và môi giới trong 2021. Khuyến nghị NĂM GIỮ ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish
Express ELC 2021Q1	23/3/21	Dự báo KQKD: Kế hoạch năm 2021. doanh thu ~ 800 tỷ (không bao gồm các dự án liên quan đến gói ITS cao tốc), tỷ suất lợi nhuận cải thiện. Sau năm 2021: Doanh thu trên 1,000 tỷ ELC dự kiến Q3.2021 đấu thầu gói ITS của đường cao tốc, 2021 đấu thầu 3 – 4 gói ITS nội đô ở tỉnh. Có 500 tỷ doanh thu từ 2020 chuyển sang (tỷ trọng các mảng cân bằng) Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 55600 ; Giá tại Publish 45350
HPG 2021Q1	26/2/21	Cập nhật KQKD: BSC dự báo doanh thu 2021 của HPG đạt 116,437 tỷ đồng (+29.2% YoY), LNST 18,981 tỷ đồng (+41.2% YoY, +35% so với dự báo gần nhất của chúng tôi), tương đương EPS = 5,526 đồng/CP (giả định trích quỹ khen thưởng phúc lợi 5%).

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639